

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến cử tri, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp
và các cơ quan, tổ chức có liên quan về việc sắp xếp
tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo trung ương về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ công chức viên chức khi thực hiện sắp xếp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến cử tri, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan về việc sắp xếp tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TỔNG HỢP Ý KIẾN CỬ TRI

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND tổ chức lấy ý kiến cử tri về chủ trương sắp xếp chính quyền địa phương (ĐVHC) cấp xã, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, trong đó xác định rõ các nội dung về Công tác thông tin, tuyên truyền, việc lập và niêm yết danh sách cử tri, hình thức, nội dung, phạm vi lấy ý kiến cử tri, tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến cử tri, việc tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri, đồng thời chỉ đạo thành

lập ở mỗi ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh một Tổ lấy ý kiến cử tri với Tổ trưởng là Bí thư chi bộ hoặc Trưởng ấp, khu phố; các Tổ viên là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, Đảng viên, Nhân dân có uy tín ở khu phố, ấp; thư ký là cán bộ, công chức cấp xã để phục vụ công tác ghi biên bản, tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri.

Quá trình xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân hai tỉnh đã phối hợp, hỗ trợ cung cấp các thông tin liên quan để hoàn chỉnh dự thảo. Ngày 18/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có văn bản số 2792/UBND-NC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị phối hợp lấy ý kiến cử tri về việc sắp xếp tỉnh.

Kết quả lấy ý kiến như sau:

1. Tại tỉnh Tiền Giang

- Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình: 476.457 cử tri
- Số cử tri tham gia lấy ý kiến: 475.032 cử tri, chiếm tỉ lệ 99,7% so với tổng số cử tri.
- Số cử tri đồng ý: 470.756 cử tri (chiếm tỉ lệ 98,8% so với tổng số cử tri trên địa bàn và tỉ lệ 99,1% so với số cử tri tham gia lấy ý kiến).
- Số cử tri không đồng ý: 4.180 cử tri chiếm tỉ lệ 0,877% so với tổng số cử tri trên địa bàn và tỉ lệ 0,88% so với số cử tri tham gia lấy ý kiến).

2. Tại tỉnh Đồng Tháp

- Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình: 456.741 cử tri
- Số cử tri tham gia lấy ý kiến: 438.214 cử tri, chiếm tỉ lệ 95,94% so với tổng số cử tri.
- Số cử tri đồng ý: 432.977 cử tri (chiếm tỉ lệ 94,8% so với tổng số cử tri trên địa bàn và tỉ lệ 98,8% so với số cử tri tham gia lấy ý kiến).
- Số cử tri không đồng ý: 4.942 cử tri (chiếm tỉ lệ 1,08% so với tổng số cử tri trên địa bàn và tỉ lệ 1,13% so với số cử tri tham gia lấy ý kiến).

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

II. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri và dự thảo Đề án đã được hoàn chỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp đã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tán thành chương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tiền Giang năm 2025 theo trình tự từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh.

Kết quả, đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân các xã, cấp huyện, cấp tỉnh đã biểu quyết tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC

cấp xã năm 2025. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về việc tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

III. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Đề án, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang¹. Kết quả, có 25 cơ quan, đơn vị gia góp ý về dự thảo Đề án, trong đó có 05 cơ quan, đơn vị có ý kiến đóng góp thêm về các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách tại dự thảo văn bản, 02 ý kiến đóng góp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (nội dung về tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp). Các ý kiến đóng góp phù hợp đã được tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Đề án.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan về việc sắp xếp tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp.

(Đính kèm Phụ lục 1, Phụ lục 2). *T.T.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CQĐP, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NC (T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *mea*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

¹ <https://tiengiang.gov.vn/gop-y-du-thao-van-ban>

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VỀ VIỆC SẮP XẾP TỈNH TIỀN GIANG VÀ TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	TÊN ĐVHC	Tổng số cử tri trên địa bàn	Số cử tri tham gia ý kiến	Tỉ lệ cử tri tham gia ý kiến (%)	KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN				
					Đồng ý		Không đồng ý		
					Số cử tri đồng ý	Tỉ lệ trên tổng số cử tri trên địa bàn (%)	Tỉ lệ trên tổng số cử tri không đồng ý	Tỉ lệ trên tổng số cử tri trên địa bàn (%)	Tỉ lệ trên tổng số cử tri tham gia ý kiến (%)
I	TỈNH TIỀN GIANG	476457	475032	99,70	470756	98,80	4180	0,877	0,88
1	Huyện Cái Bè	76731	75975	99,01	75486	98,38	489	0,64	0,64
2	Huyện Cai Lậy	52725	52725	100	52328	99,25	397	0,75	0,75
3	Thị xã Cai Lậy	33783	33661	99,64	33334	98,67	327	0,97	0,97
4	Huyện Tân Phước	17026	17026	100	16999	99,84	27	0,16	0,16
5	Huyện Châu Thành	67129	66982	99,78	66451	98,99	516	0,77	0,77
6	Thành phố Mỹ Tho	64209	63810	99,38	62002	96,56	1773	2,76	2,78
7	Huyện Chợ Gạo	53234	53234	100	53110	99,77	124	0,23	0,23
8	Huyện Gò Công Tây	35631	35630	100	35614	99,95	15	0,04	0,04
9	Thành phố Gò Công	26557	26557	100	26426	99,51	130	0,49	0,49
10	Huyện Gò Công Đông	37745	37745	100	37347	98,95	354	0,94	0,94
11	Huyện Tân Phú Đông	11687	11687	100	11659	99,76	28	0,24	0,24
II	TỈNH ĐỒNG THÁP	456741	438214	95,94	432977	94,80	4942	1,08	1,13
1	Huyện Hồng Ngự	36485	35048	96,06	34439	94,39	496	1,36	1,42
2	Huyện Tân Hồng	31835	27604	86,71	27138	85,25	455	1,43	1,65



3	Huyện Tam Nông	30377	27518	90,59	26819	88,29	97,46	613	2,02	2,23
4	Huyện Thanh Bình	43446	43060	99,11	42394	97,58	98,45	666	1,53	1,55
5	Huyện Cao Lãnh	55372	54309	98,18	54245	97,96	99,88	46	0,08	0,08
6	Huyện Tháp Mười	36732	35185	95,79	34911	95,04	99,22	252	0,69	0,72
7	Huyện Lấp Vò	46629	43658	93,63	42994	92,20	98,48	658	1,41	1,51
8	Huyện Lai Vung	43947	43623	99,26	43341	98,62	99,35	282	0,64	0,65
9	Huyện Châu Thành	41582	40460	97,30	39931	96,03	98,69	525	1,26	1,30
10	Thành phố Hồng Ngự	21265	19813	93,17	19594	92,14	98,89	214	1,01	1,08
11	Thành phố Sa Đéc	28087	27212	96,88	26611	94,74	97,79	601	2,14	2,21
12	Thành phố Cao Lãnh	40984	40724	99,37	40560	98,97	99,60	134	0,33	0,33

Các ý kiến khác:

Qua tổng hợp, có 3.192 ý kiến khác (Tiền Giang 353 ý kiến, Đồng Tháp 2839 ý kiến) liên quan đến sắp xếp tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp, chủ yếu xoay quanh các nhóm nội dung như sau:

- Cử tri có ý kiến khác về tên gọi của tỉnh sau sắp xếp;
- Cử tri có ý kiến về phương án sắp xếp với tỉnh khác;
- Cử tri đề nghị giữ nguyên không sắp xếp tỉnh;
- Cử tri đề nghị hỗ trợ trong chuyển đổi giấy tờ khi sắp xếp tỉnh.



Phụ lục 2

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỀ VIỆC
SẮP XẾP TỈNH TIỀN GIANG VÀ TỈNH ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

TT	Đơn vị	SỐ LƯỢNG ĐẠI BIỂU HĐND			KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI BIỂU HĐND						
		Số lượng hiện tại	Số đại biểu tham dự kỳ hợp	Tỷ lệ (%)	ĐỒNG Ý			KHÔNG ĐỒNG Ý			
					Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ trên đại biểu tham dự (%)	Tỷ lệ trên tổng số đại biểu (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ trên đại biểu tham dự (%)	Tỷ lệ trên tổng số đại biểu (%)	
I	TỈNH TIỀN GIANG										
1	HĐND tỉnh Tiền Giang	60	56	93,33	56	100	93,33	0	0	0	
2	HĐND huyện Cái Bè	33	29	87,88	29	100	87,88	0	0	0	
	HĐND cấp xã thuộc huyện Cái Bè	659	615	93,32	615	100	93,32	0	0	0	
3	HĐND huyện Cai Lậy	31	29	93,55	29	100	93,55	0	0	0	
	HĐND cấp xã thuộc huyện Cai Lậy	414	389	93,96	389	100	93,96	0	0	0	
4	HĐND thị xã Cai Lậy	31	28	90,32	28	100	90,32	0	0	0	
	HĐND huyện Tân Phước	27	25	92,59	25	100	92,59	0	0	0	
	HĐND cấp xã thuộc huyện Tân Phước	276	258	93,48	258	100	93,48	0	0	0	
5	HĐND huyện Châu Thành	35	31	88,57	31	100	88,57	0	0	0	
	HĐND cấp xã thuộc huyện Châu Thành	589	532	90,32	532	100	90,32	0	0	0	
6	HĐND thành phố Mỹ Tho	35	29	82,86	29	100	82,86	0	0	0	

	HĐND cấp xã thuộc thành phố Mỹ Tho	371	346	93,26	346	100	93,26	0	0	0
7	HĐND huyện Chợ Gạo	34	27	79,41	27	100	79,41	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Chợ Gạo	478	446	93,31	446	100	93,31	0	0	0
8	HĐND huyện Gò Công Tây	30	29	96,67	29	100	96,67	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Gò Công Tây	322	300	93,17	300	100	93,17	0	0	0
9	HĐND thành phố Gò Công	30	27	90	27	100	90	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc thành phố Gò Công	267	256	95,88	256	100	95,88	0	0	0
10	HĐND huyện Gò Công Đông	33	30	90,91	30	100	90,91	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Gò Công Đông	332	305	91,87	305	100	91,87	0	0	0
11	HĐND huyện Tân Phú Đông	27	27	100	27	100	100	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Tân Phú Đông	140	131	93,57	131	100	93,57	0	0	0
II	TỈNH ĐỒNG THÁP									
1	HĐND tỉnh Đồng Tháp	53	51	96,23	51	100	96,23	0	0	0
2	HĐND huyện Hồng Ngự	29	27	93,1	27	100	93,10	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Hồng Ngự	236	224	94,92	224	100	94,92	0	0	0
3	HĐND thành phố Hồng Ngự	28	25	89,29	25	100	89,29	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc thành phố Hồng Ngự	143	129	90,2	129	100	90,21	0	0	0
4	HĐND huyện Tân Hồng	28	28	100	28	100	100	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Tân Hồng	211	196	92,89	196	100	92,89	0	0	0
5	HĐND huyện Tam Nông	24	19	79,2	19	100	79,17	0	0	0
	HĐND cấp xã thuộc huyện Tam Nông	276	251	90,9	251	100	90,94	0	0	0



2100